

聖体礼拝の集い

Giờ Châu Thánh Thể

Eucharistic Adoration

성찬예배 모임



年間第11主日 (A年)

Chúa Nhật thứ 11 Mùa Thường Niên (Năm A)

11th Sunday in Ordinary Time (Year A)

연중 제11주일 (가해)

導入・DẪN NHẬP・INTRODUCTION・소개

19:00



Mi se ri cor di as Do mi ni in ae ter num can ta bo
ミ セ リ コ ル デ ィ ア ス ド ミ ニ イン エ テ ル ヌ ヌ ン カ ン タ ボ

御聖体顕示・ĐẶT MÌNH THÁNH CHÚA・EXPOSING THE BLESSED SACRAMENT・성체조배

沈黙の祈り・CẦU NGUYỆN TRONG THÌNH LẶNG・PRAYER IN SILENCE・침묵의 기도

最後に質問をしながら祈ることができる・BẠN CÓ THỂ CẦU NGUYỆN VỚI NHỮNG CÂU HỎI GỢI Ý Ở CUỐI TRANG.

YOU CAN PRAY WITH THE QUESTIONS AT THE END・마지막에 있는 질문으로 기도할 수 있습니다.

日本語

19:10

福音朗読・LẮNG NGHE LỜI CHÚA・RECITATION OF THE GOSPEL・복음 낭독

マタイによる福音。

そのとき、イエスは、群衆が飼い主のいない羊のように弱り果て、打ちひしがれているのを見て、深く憐れまれた。そこで、弟子たちに言われた。「収穫は多いが、働き手が少ない。だから、収穫のために働き手を送ってくださるよう、収穫の主に願いなさい。」イエスは十二人の弟子を呼び寄せ、汚れた霊に対する権能をお授けになった。汚れた霊を追い出し、あらゆる病気や患いをいやすためであった。十二使徒の名は次のとおりである。まずペトロと呼ばれるシモンとその兄弟アンデレ、ゼベダイの子ヤコブとその兄弟ヨハネ、フィリポとバルトロマイ、トマスと徴税人のマタイ、アルファイの子ヤコブとタダイ、熱心党のシモン、それにイエスを裏切ったイスカリオテのユダである。イエスはこの十二人を派遣するにあたり、次のように命じられた。「異邦人の道に行ってはならない。また、サマリア人の町に入ってはならない。むしろ、イスラエルの家の失われた羊のところへ行きなさい。行って、『天の国は近づいた』と宣べ伝えなさい。病人をいやし、死者を生き返らせ、重い皮膚

病を患っている人を清くし、悪霊を追い払いなさい。ただで受けたのだから、ただで与えなさい。」

(「神のみことば」と言わないでください)

ENGLISH

福音朗読・LẮNG NGHE LỜI CHÚA・RECITATION OF THE GOSPEL・복음 낭독

19:25

From the Gospel according to Matthew.

Then, seeing the multitudes, he had compassion on them, because they were distressed and were reclining, like sheep without a shepherd. Then he said to his disciples: "The harvest indeed is great, but the laborers are few. Therefore, petition the Lord of the harvest, so that he may send out laborers to his harvest." And having called together his twelve disciples, he gave them authority over unclean spirits, to cast them out and to cure every sickness and every infirmity. Now the names of the twelve Apostles are these: the First, Simon, who is called Peter, and Andrew his brother; James of Zebedee, and John his brother; Philip and Bartholomew; Thomas and Matthew the tax collector; and James of Alphaeus, and Thaddaeus; Simon the Canaanite, and Judas Iscariot, who also betrayed him. Jesus sent these twelve, instructing them, saying: "Do not travel by the way of the Gentiles, and do not enter into the city of the Samaritans, but instead go to the sheep who have fallen away from the house of Israel. And going forth, preach, saying: 'For the kingdom of heaven has drawn near. Cure the infirm, raise the dead, cleanse lepers, cast out demons. You have received freely, so give freely.'"

(Please don't say "This is the Word of the Lord")

TIẾNG VIỆT

福音朗読・LẮNG NGHE LỜI CHÚA・RECITATION OF THE GOSPEL・복음 낭독

19:35

Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô theo Thánh Máthêu.

Khi ấy, Đức Giê-su thấy đám đông thì chạnh lòng thương, vì họ lăm than vất vưởng, như bầy chiên không người chăn dắt. Bấy giờ, Người nói với môn đệ rằng: "Lúa chín đầy đồng, mà thợ gặt lại ít. Vậy anh em hãy xin chủ mùa gặt sai thợ ra gặt lúa về." Rồi Đức Giê-su gọi mười hai môn đệ lại, ban cho các ông quyền trên các thần ô uế, để các ông trừ chúng và chữa hết các bệnh hoạn tật nguyền. Sau đây là tên của mười hai Tông Đồ: đứng đầu là ông Si-môn, cũng gọi là Phê-rô, rồi đến ông An-rê, anh của ông; sau đó là ông Gia-cô-bê con ông Dê-bê-đê và ông Gio-an, em của ông; ông Phi-líp-phê và ông Ba-tô-lô-mê-ô; ông Tô-ma và ông Má-thêu người thu thuế; ông Gia-cô-bê con ông An-phê và ông Ta-đê-ô; ông Si-môn thuộc nhóm Nhiệt Thành, và ông Giu-đa Ít-ca-ri-ốt, là chính kẻ nộp Người. Đức Giê-su sai mười hai ông ấy đi và chỉ thị rằng: "Anh em đừng đi tới vùng các dân ngoại, cũng đừng vào thành nào của người Sa-ma-ri. Tốt hơn là hãy đến với các con chiên lạc nhà Ít-ra-en. Dọc đường hãy rao giảng rằng: Nước Trời đã đến gần. Anh em hãy chữa lành người đau yếu, làm cho kẻ chết trỗi dậy, cho người

mắc bệnh phong được sạch, và khử trừ ma quỷ. Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy.”

(Xin không xưng "Đó là Lời Chúa")

한국어

19:45

福音朗読・LẮNG NGHE LỜI CHÚA・RECITATION OF THE GOSPEL・복음 낭독

마태오 전한 거룩한 복음입니다.

그분은 군중을 보시고 가엾은 마음이 드셨다. 그들이 목자 없는 양들 처럼 시달리며 기가 꺾여 있었기 때문이다. 그래서 제자들에게 말씀하셨다. “수확할 것은 많은데 일꾼이 적다. 그러니 수확할 밭의 주인님께 일꾼들을 보내 주십시오고 청하여라.” 그분께서 열두 제자를 가까이 부르시고 그들에게 더러운 영들에 대한 권한을 주시어, 그것들을 쫓아내고 병자와 허약한 이들을 모두 고쳐 주게 하셨다. 열두 사도의 이름은 이러하다. 베드로라고 하는 시몬을 비롯하여 그의 동생 안드레아, 제베대오의 아들 야고보와 그의 동생 요한, 필립보와 바르톨로메오, 토마스와 세리 마태오, 알페오의 아들 야고보와 타대오, 열혈당원 시몬, 그리고 예수님을 팔아 넘긴 유다 이스카리옷이다. 예수님께서 이 열두 사람을 보내시며 이렇게 분부하셨다. “다른민족들에게 가는 길로 가지 말고 사마리아인들의 고을에도 들어가지 마라. 이스라엘 집안의 길 잃은 양들에게 가라. 가서 ‘하늘 나라가 가까이 왔다.’ 하고 선포하여라. 앓는 이들을 고쳐 주고, 죽은 이들을 일으켜 주어라. 나병 환자들을 깨끗하게 해주고, 마귀들을 쫓아내어라. 너희는 거저 받았으니 거저 주어라.

(“하느님의 말씀”이라고 말하지 마십시오)

祈りの質問・GỢI Ý SUY NIỆM & CẦU NGUYỆN・QUESTIONS FOR PRAYING・기도 질문

1. イエスが群衆を見て「羊飼いのない羊のように、弱り果てて倒れている」と憐れんだとき、あなたは現代のどのような人々にその姿を見ますか？また、どのように共感できますか？
2. 「収穫は多いが、働き手が少ない」という言葉を、あなた自身の日常生活やコミュニティでどのように経験しますか？
3. 弟子たちが権威を与えられて派遣されたように、あなたは神からどのような使命や賜物を与えられたと感じますか？また、その使命を果たすうえでの課題は何ですか？
1. When Jesus saw the multitudes and had compassion on them as sheep without a shepherd, what current groups of people come to your mind that are similarly distressed? How can you relate to their condition?
2. The harvest is plentiful but laborers are few. In what areas of your life or community do you see this gap between needs and workers?
3. Jesus gave authority to the disciples and sent them. What authority or mission has God entrusted to you? How can you use it to serve others freely as you have received?
1. Khi Đức Giêsu nhìn thấy đám đông và “chạnh lòng thương xót, vì họ làm than vất vưởng như bầy chiên không người chăn dắt”, bạn thấy hình ảnh ấy nơi những con người nào trong xã hội hôm nay? Và bạn cảm thông với họ như thế nào?
2. “Lúa chín đầy đồng mà thợ gặt lại ít”. Trong đời sống hằng ngày hay trong cộng đồng của bạn, bạn cảm nghiệm điều này ra sao?
3. Như các môn đệ được trao quyền và được sai đi, bạn nhận thấy Thiên Chúa ban cho bạn sứ mạng hay những ân huệ nào? Và đâu là những thách đố bạn gặp phải khi cố gắng sống trọn vẹn sứ mạng ấy?

1. 예수님께서 무리를 보시고 목자 없는 양처럼 고생하며 기진한 그들을 불쌍히 여기셨을 때, 오늘날 어떤 사람들이 그런 모습으로 떠오르나요? 당신은 그들의 처지에 어떻게 공감할 수 있나요?
2. 추수할 것은 많되 일꾼이 적다. 당신의 삶이나 공동체에서 필요와 일꾼 사이의 이 간극을 어디에서 보나요?
3. 예수님은 제자들에게 권세를 주시고 보내셨습니다. 하느님께서 당신에게 맡기신 권세나 사명은 무엇인가요? 당신이 받은 대로 거저 주며 섬기기 위해 그것을 어떻게 사용할 수 있을까요?

♩ = 63

p

Lau da te om nes gen tes, lau da te Do mi
 라우 다 테온네스 겐테스, 라우 다 테도미

5

num. Lau da te om nes gen tes, lau da te Do mi
 뉘ン. 라우 다 테온네스 겐테스, 라우 다 테도미

9

num Lau -
 뉘ン 라우-

御聖体の祝福・BAN PHÉP LÀNH THÁNH THỂ・BLESSING WITH THE EUCHARIST・성찬의 축복

退堂・沈黙のうちに終わる